

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428, Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39404 271/125

Fax: 08 39404711

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
của CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số: 3 ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: 043 974 50 81/82 Fax: 043 974 50 83

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428, Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39404 271/125

Fax: 08 39404711

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 06
Báo cáo công tác soát xét	07 - 08
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016	09 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2016	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm 2016	12
Thuyết minh báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016	13 - 31
Phụ lục 01 – Các khoản đầu tư tài chính	32
Phụ lục 02 – Nợ xấu	33
Phụ lục 03 – Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	34
Phụ lục 04 – Tăng giảm tài sản cố định vô hình	35
Phụ lục 05 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	36 - 39
Phụ lục 06 – Phải trả người bán	40
Phụ lục 07 - Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu	41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam, gọi tắt là "Công ty" đệ trình Báo cáo của Văn phòng Công ty cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016.

Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ- BGTVT ngày 11/07/2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, cấp lại lần thứ 9 vào ngày 18/09/2015 với mã số doanh nghiệp mới là 0300448709.

Theo đó:

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam

Tên tiếng anh : VIETNAM SEA TRANSPOT AND CHARTERING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : VITRANSCHART JSC

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: 589.993.370.000 đồng

(Bằng chữ: Năm trăm tám chín tỷ, chín trăm chín ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn)

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 428, Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, tp Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08 39 404271/125

Fax : 08 39 404 711

Website : <http://www.vitranschart.com.vn>

Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam hiện đang đăng ký giao dịch trên sàn của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (UPCOM) với mã cổ phiếu VST.

Khối lượng niêm yết : 58.999.337 cổ phiếu

Ngày niêm yết : 26/05/2015

Ngày chính thức giao dịch : 10/06/2015

Danh sách và các đơn vị trực thuộc của Công ty

STT	Tên đơn vị	Thông tin về đơn vị trực thuộc
1.	CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại thành phố Vũng Tàu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 32 Phan Đăng Lưu, Phường 3 Tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Đã chấm dứt hoạt động)
2.	CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng	Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

3. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Quy Nhơn tỉnh Bình Định Lô C2,C3 cụm công nghiệp Nhơn Bình, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
(Đã chấm dứt hoạt động)
4. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC) Địa chỉ: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh
5. VP Đại diện tại Hà Nội Phòng 310, tầng 3, Tòa Nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội

Danh sách và địa chỉ Công ty con:

1. Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR) Số 428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ: 5.500.000.000 đồng
Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Danh sách và địa chỉ Công ty liên kết:

1. Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC) Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ: 4.906.000.000 đồng
Tỷ lệ nắm giữ: 26,46%

Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty:

STT	Tên cổ đông	Loại (cổ phần)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Số tiền góp vốn (đồng)
1.	Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Phổ thông	24.000.000	60%	240.000.000.000
2.	Cổ đông khác (1.791 cổ)	Phổ thông	16.000.000	40%	160.000.000.000

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ**Ngành nghề sản xuất kinh doanh:**

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)/.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị:

Ông Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch	Bầu từ ngày 24/04/2013
Ông Trương Đình Sơn	Phó Chủ tịch	Bầu từ ngày 24/04/2013
Ông Bùi Mạnh Cường	Thành viên	Bầu từ ngày 27/08/2015
Ông Huỳnh Nam Anh	Thành viên	Bầu từ ngày 24/04/2013
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên	Bầu từ ngày 24/04/2013
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên	Bầu từ ngày 24/04/2013

Ban kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng Ban	Bầu từ ngày 24/04/2013
Bà Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên	Bầu từ ngày 24/04/2013
Bà Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên	Bầu từ ngày 24/04/2013

Ban Tổng Giám đốc:

Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 01/09/2015
Ông Huỳnh Nam Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 09/05/2013
Ông Đặng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 20/05/2015
Bà Mai Thị Thu Vân	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ 09/05/2013

Người đại diện theo pháp luật:

Bà Phạm Thị Cẩm Hà là người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 của Công ty Cổ phần Vận tải và thuê Tàu biển Việt Nam được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 09 đến trang 41.

Các sự kiện, đặc điểm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

- Chi nhánh của Công ty Cổ phần Vận tải và thuê Tàu biển Việt Nam tại tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 18/02/2016.
- Chi nhánh của Công ty Cổ phần Vận tải và thuê Tàu biển Việt Nam tại tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã thực hiện xong hợp đồng chuyển nhượng Dự án Kho bãi Nhơn Bình tại khu công nghiệp Nhơn Bình, tỉnh Bình Định và đã chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 17/03/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;

- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính ;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty tại ngày 30/06/2015, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016;
- Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM



PHẠM THỊ CẨM HÀ

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2016



Số: *M3* /2016/BCSX/BCTC/CPAHANOI

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Của Văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, được lập ngày 15/07/2016, từ trang 09 đến 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lưu ý đối với người đọc báo cáo

- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (ngày 30/06/2016), Công ty đã xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với tổng số tiền là 219.702.343.782 đồng cho số chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng. Tuy nhiên, Công ty cần lập kế hoạch dự kiến số lãi cụ thể trong các năm tiếp theo để bù trừ với số lỗ phát sinh các năm trước, từ đó có căn cứ xác định khoản thuế thu nhập hoãn lại cho phù hợp.

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ được lập thành 06 bản tiếng Việt. Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam giữ 05 bản. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt, các bản có giá trị ngang nhau.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNDKHNKT số: 0132-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188.467.021.613	208.585.829.306
<i>1 Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>1</i>	<i>52.996.398.019</i>	<i>25.410.811.828</i>
1 - Tiền	111		44.996.398.019	4.244.811.828
2 - Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	21.166.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.695.776.955	97.865.940.553
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	13.615.201.161	50.560.380.245
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	19	31.321.269.872	27.529.233.471
3 - Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	20	3.181.234.227	1.943.077.686
4 - Phải thu ngắn hạn khác	136	4	20.128.793.333	22.831.861.338
5 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	21	(1.550.721.638)	(4.998.612.187)
IV Hàng tồn kho	140		45.035.517.683	56.214.650.130
1 - Hàng tồn kho	141	6	45.035.517.683	56.214.650.130
V Tài sản ngắn hạn khác	150		23.739.328.956	29.094.426.795
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	13.140.512.717	20.113.769.333
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152	22	10.368.932.487	8.980.657.462
3 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	13	229.883.752	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.638.780.112.129	1.679.967.648.562
<i>1 Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>6.801.616.161</i>	<i>15.369.048.195</i>
1 - Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213	23	507.867.901	510.376.501
2 - Phải thu dài hạn nội bộ	214	20	5.967.206.460	14.532.129.894
3 - Phải thu dài hạn khác	216	4	326.541.800	326.541.800
II Tài sản cố định	220		1.375.151.280.709	1.460.198.444.791
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.373.635.274.397	1.458.217.536.582
- Nguyên giá	222		2.804.090.133.721	2.804.109.518.462
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.430.454.859.324)	(1.345.891.981.880)
2 - Tài sản cố định vô hình	227	9	1.516.006.312	1.980.908.209
- Nguyên giá	228		7.658.291.325	7.658.291.325
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.142.285.013)	(5.677.383.116)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		1.911.952.826	2.517.190.638
1 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	7	1.911.952.826	2.517.190.638
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	2	12.406.000.000	12.406.000.000
1 - Đầu tư vào công ty con	251		5.500.000.000	5.500.000.000
2 - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.906.000.000	4.906.000.000
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		242.509.262.433	189.476.964.938
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	10	22.806.918.651	34.843.364.938
2 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		219.702.343.782	154.633.600.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.827.247.133.742	1.888.553.477.868

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I	2	3	4	5
A NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.111.994.563.027	2.096.289.750.079
I Nợ ngắn hạn	310		334.075.168.879	353.432.035.121
1 - Phải trả người bán	311	12	90.418.754.023	94.074.855.828
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24	812.073.948	6.947.516.259
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	-	48.602.248
4 - Phải trả người lao động	314		19.842.334.322	18.215.820.721
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	27.846.304.221	25.144.254.444
6 - Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	25	-	162.183.420
7 - Doanh thu chưa thực hiện	318	16	15.333.094.050	31.223.350.561
8 - Phải trả ngắn hạn khác	319	15	42.942.097.441	18.009.951.389
9 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	134.530.093.510	157.008.170.587
10 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	2.350.417.364	2.597.329.664
II Nợ dài hạn	330		1.777.919.394.148	1.742.857.714.958
1 - Phải trả người bán dài hạn	331	12	500.000.000	500.000.000
2 - Phải trả dài hạn khác	337	15	8.404.589.178	8.404.589.178
3 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	11	1.769.014.804.970	1.733.953.125.780
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		(284.747.429.285)	(207.736.272.211)
I Vốn góp của chủ sở hữu	410	17	(284.747.429.285)	(207.736.272.211)
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		589.993.370.000	589.993.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		589.993.370.000	589.993.370.000
2 - Thặng dư vốn cổ phần	412		88.258.000	88.258.000
3 - Quỹ đầu tư phát triển	418		9.662.314.492	9.662.314.492
4 - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.202.114.722	4.934.983.765
5 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(889.693.486.499)	(812.415.198.468)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trư	421a		(809.965.225.734)	(618.891.810.608)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(79.728.260.765)	(193.523.387.860)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.827.247.133.742	1.888.553.477.868

Tp Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Kim Phụng

Mai Thị Thu Vân

Phạm Thị Cẩm Hà

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	235.757.493.049	307.566.920.318
2 - Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	4.986.872.508	6.934.053.594
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	230.770.620.541	300.632.866.724
4 - Giá vốn hàng bán	11	30	316.180.903.700	391.781.744.041
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(85.410.283.159)	(91.148.877.317)
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	10.370.911.356	2.234.715.233
7 - Chi phí tài chính	22	32	61.774.014.440	26.175.480.728
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		60.688.159.022	7.390.341.807
8 - Chi phí bán hàng	24	33	2.088.731.807	3.272.696.273
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	34	16.113.459.547	15.628.061.834
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30		(155.015.577.597)	(133.990.400.919)
11 - Thu nhập khác	31	35	24.618.033.173	129.135.528.632
12 - Chi phí khác	32	36	14.376.894.492	101.310.591.550
13 - Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		10.241.138.681	27.824.937.082
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(144.774.438.916)	(106.165.463.837)
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	22.565.631	-
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	(65.068.743.782)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	40	(79.728.260.765)	(106.165.463.837)
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Tp Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Kim Phụng

Mai Thị Thu Vân

Phạm Thị Cẩm Hà

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016)

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	4	5
I Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	-144.774.438.916	-106.165.463.837
2 Điều chỉnh cho các khoản		126.667.085.442	102.902.613.606
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	85.505.121.039	106.786.785.193
- Lãi, lỗ chênh lệch TGHD do ĐGL các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-7.490.264.148	15.000.000.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-12.035.930.471	-26.274.513.394
- Chi phí lãi vay	06	60.688.159.022	7.390.341.807
3 Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	-18.107.353.474	-3.262.850.231
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	29.552.004.821	6.633.509.574
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	11.179.132.447	3.407.809.543
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.121.210.835	-9.853.142.011
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	19.009.702.903	8.021.049.899
- Tiền lãi vay đã trả	14	-508.123.615	-7.609.947.753
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-22.565.631	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	16.978.728.307	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-24.663.297.676
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61.202.736.593	-27.326.868.655
II Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, các TS dài hạn khác	21	-6.626.002.865	-8.063.713.063
2 Tiền thu từ th/lý, nhượng bán TSCĐ, các TS dài hạn khác	22	12.338.181.819	129.090.909.091
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.703.818.182
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	178.513.104	970.332.433
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.890.692.058	127.701.346.643
III Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
3 Tiền thu từ đi vay	33	-	69.138.813.935
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	-39.507.842.460	-190.554.007.158
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-39.507.842.460	-121.415.193.223
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	27.585.586.191	-21.040.715.235
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.410.811.828	40.035.915.631
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-88.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	52.996.398.019	18.995.112.396

Người lập biểu

Lê Kim Phụng

Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân

Tp Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016



Tổng giám đốc

Phạm Thị Cẩm Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, cấp lại lần thứ 9 ngày 18 tháng 09 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Theo đó:

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam
 Tên Tiếng Anh : VIETNAM SEA TRANSPORT AND CHARTERING JOINT STOCK
 Tên viết tắt : VITRANSCHART JSC
 Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 589.993.370.000 đồng

(Năm trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
 Điện thoại : 08 39 404 271/125
 Fax : 08 39 404 711
 Website : <http://www.vitranschart.com.vn>
 Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Hiện tại, Cổ phiếu của Công ty đang được đăng ký giao dịch trên sàn của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã cổ phiếu VST.

Khối lượng niêm yết : 58.999.337 cổ phiếu
 Ngày niêm yết : 26/5/2015
 Ngày chính thức giao dịch : 10/6/2015

Danh sách và địa chỉ các đơn vị trực thuộc:Tên đơn vịThông tin về đơn vị trực thuộc

1. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu
Số 32 Phan Đăng Lưu, Phường 3 Tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Đã chấm dứt hoạt động.
2. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng
Địa chỉ: Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
Mã chi nhánh: 0300448709-006
3. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Quy Nhơn
Địa chỉ: Lô C2-C3 Cụm CN Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Đã chấm dứt hoạt động.
4. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC)
Địa chỉ: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh
Mã chi nhánh: 0300448709-003

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016

5. VP Đại diện tại Hà Nội

Phòng 310, tầng 3, Tòa Nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, P. Mai Dịch, Q. Đống Đa, Hà Nội

Danh sách và địa chỉ công ty con:

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty con</u>
1. Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)	5.500.000.000	100%	Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0309518598

Danh sách và địa chỉ công ty liên kết

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty liên kết</u>
1. Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	4.906.000.000	26,46%	Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0306291349

1.2 Lĩnh vực kinh doanh:

- Thương mại, Dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)/.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường từ khoảng 15 ngày đến 6 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016*

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, ngày 30/06/2016, Công ty đã hoàn thành việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Vitranschart tại Vùng Tàu và tại Thành phố Quy Nhơn, hiện đang tiến hành thủ tục giải thể Công ty con (Công ty TNHH MTV Sửa chữa Tàu biển Phương Nam).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán:**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**4.1 Ước tính kế toán:**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính và giả định đặt ra.

4.2 Tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

4.3 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng CPTM tại thời điểm hạch toán, riêng ngoại tệ nhận về tài khoản ngân hàng áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Chênh lệch tỷ giá nếu có được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính.
- Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30/06/2016:

	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán
USD:	22.273 đồng	22.346 đồng
EUR:	24.593 đồng	25.039 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4.4 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Tại thời điểm 30/6/2016, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng tổn thất hàng tồn kho (nếu có) được tính và trích lập như sau:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Mức trích lập dự phòng hàng tồn kho được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.
- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016*

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Tài sản cố định được hạch toán ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử, thuế nhập khẩu (nếu có) và các chi phí khác để đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (hữu hình, vô hình):

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Theo đó, thời gian khấu hao được ước tính cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

- * Lãi, lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được hạch toán như một khoản lãi hoặc lỗ trong kỳ phát sinh nghiệp vụ.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc kể từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Thanh lý khoản đầu tư: Phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Chi phí khác: Chi phí phát sinh trong kỳ ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính được ghi nhận là chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ trong 1 năm, chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong 2 đến 3 năm.

4.10 Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm:

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

- Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của CSH: Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn góp thực tế. Vốn góp của cổ đông bao gồm góp theo mệnh giá và phần cao hơn mệnh giá - Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận từ kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN DỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác: Được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng; và
- + Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- + Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.
- + Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

- + Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

4.14 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- + Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền (đơn vị tính: đồng)

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền mặt	9.644.049	16.359.218
+ Tiền Việt Nam	9.644.049	16.359.218
- Tiền gửi ngân hàng	44.986.753.970	4.228.452.610
+ Tiền Việt Nam	19.652.053.971	922.251.344
+ Ngoại tệ	25.334.699.999	3.306.201.266
- Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	21.166.000.000
Cộng	52.996.398.019	25.410.811.828

2 Các khoản đầu tư tài chính (Phụ lục 01)

3 Phải thu của khách hàng

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
- Phải thu khách hàng nước ngoài	6.263.419.954	41.038.505.618
- Phải thu khách hàng trong nước	7.351.781.207	9.521.874.627
Cộng	13.615.201.161	50.560.380.245

4 Phải thu khác

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
+ Phải thu khác	13.317.503.370	-	14.802.437.647	-
+ Tạm ứng	6.811.289.963	-	8.029.423.691	-
Cộng	20.128.793.333	-	22.831.861.338	-
Dài hạn				
+ Các khoản tiền ủy thác	326.541.800	-	326.541.800	-
Cộng	326.541.800	-	326.541.800	-

5 Nợ xấu (Phụ lục 02)

6 Hàng tồn kho

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
+ Nguyên vật liệu	29.920.313.468	-	40.701.962.157	-
+ Công cụ, dụng cụ	15.115.204.215	-	15.512.687.973	-
- Công cụ, dụng cụ	15.115.204.215	-	15.512.687.973	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cộng	45.035.517.683	-	56.214.650.130	-
------	----------------	---	----------------	---

7 Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XDDB)				
- Xây dựng cơ bản	978.835.278	-	764.169.208	-
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	933.117.548	-	1.753.021.430	-
Cộng	1.911.952.826	-	2.517.190.638	-

8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 03)**9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Phụ lục 04)****10 Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Chi phí trả trước ngắn hạn:		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	142.131.321	71.524.830
- Chi phí bảo hiểm đội tàu, CNV, hòa hoạn	769.861.096	5.287.982.508
- Chi phí phụ tùng, sửa chữa thường xuyên	12.226.275.976	14.698.850.049
- Chi phí phân bổ khác	2.244.324	55.411.946
Cộng	13.140.512.717	20.113.769.333

+ Chi phí trả trước dài hạn:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
- Chi phí thuê đất tại Quy Nhơn	3.902.952.711		3.902.952.711	-
- Sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	22.409.234.823	6.669.729.768	10.425.950.676	18.653.013.915
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	57.007.720	5.750.000	27.839.513	34.918.207
- Chi phí chờ phân bổ khác	8.474.169.684		4.355.183.155	4.118.986.529
Cộng	34.843.364.938	6.675.479.768	18.711.926.055	22.806.918.651

11 Vay và nợ thuê tài chính (Phụ lục 05)**12 Phải trả người bán (Phụ lục 06)****13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Phải nộp trong kỳ</i>	<i>Đã nộp trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
a Số phải nộp:				
- Thuế thu nhập cá nhân	48.602.248		48.602.248	-
Cộng	48.602.248	-	48.602.248	-
b Số phải thu:				
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-222.470.414	7.413.338	229.883.752
Cộng	-	-222.470.414	7.413.338	229.883.752
14 Chi phí phải trả				
			<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
			27.846.304.221	25.144.254.444
- Chi phí phải trả khác			27.846.304.221	25.144.254.444
<i>VTC - cảng phí nước ngoài</i>			19.810.059.282	15.272.205.297
<i>Tiền ăn của thuyền viên</i>			2.803.985.645	3.900.921.955
<i>Trích trước phân bổ CP SCL, khác</i>			5.232.259.294	5.971.127.192
Cộng			27.846.304.221	25.144.254.444
15 Phải trả khác				
			<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
a Ngắn hạn:				
- Kinh phí công đoàn			7.449.533.177	7.444.713.121
- Bảo hiểm xã hội			5.121.732.303	3.282.315.076
- Các khoản phải trả, phải nộp khác			30.370.831.961	7.282.923.192
Cộng			42.942.097.441	18.009.951.389
b Dài hạn:				
- Phải trả các khoản khác dài hạn			8.404.589.178	8.404.589.178
+ <i>Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu Phoenix</i>			8.404.589.178	8.404.589.178
Cộng			8.404.589.178	8.404.589.178
16 Doanh thu chưa thực hiện				
			<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Doanh thu nhận trước			15.333.094.050	31.223.350.561
Cộng			15.333.094.050	31.223.350.561
17 Vốn chủ sở hữu				
a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu				<i>Phụ lục số 7</i>
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
			<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ đông khác	235.993.370.000	235.993.370.000
Cộng	589.993.370.000	589.993.370.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm		589.993.370.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		-
+ Vốn góp giảm trong kỳ		-
+ Vốn góp cuối kỳ		589.993.370.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		Không có
d. Cổ phiếu		
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58.999.337	58.999.337
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	58.999.337	58.999.337
+ Cổ phiếu phổ thông	58.999.337	58.999.337
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.999.337	58.999.337
+ Cổ phiếu phổ thông	58.999.337	58.999.337
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành <đồng/CP>	10.000	10.000
e. Các quỹ của Công ty		
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Quỹ đầu tư phát triển	9.662.314.492	9.662.314.492
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.202.114.722	4.934.983.765
Cộng	14.864.429.214	14.597.298.257
18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.200.715.100	1.726.511.550
- Ngoại tệ các loại:		
+ Dollar Mỹ (USD)	1.137.461,25	647.255,24
+ Euro (EUR)	1,04	1,10
19 Trả trước cho người bán		
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Trả trước cho người bán nước ngoài	30.745.094.032	24.795.322.822
- Trả trước cho người bán trong nước	576.175.840	2.733.910.649
Cộng	31.321.269.872	27.529.233.471
20 Phải thu nội bộ		
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngắn hạn:		
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Đà Nẵng	765.482.097	804.787.357
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Quy Nhơn	-	372.829.235
- TT Đào tạo, môi giới và XKTV Phía Nam	2.415.752.130	765.461.094
Cộng	3.181.234.227	1.943.077.686
Dài hạn		
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Đà Nẵng	670.156.922	840.901.662
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Quy Nhơn	-	8.030.872.523
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Vũng Tàu	-	192.457.966
- TT Đào tạo, môi giới và XKTV Phía Nam	5.297.049.538	5.467.897.743
Cộng	5.967.206.460	14.532.129.894
21 Dự phòng tổn thất tài sản	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	1.550.721.638	4.998.612.187
Cộng	1.550.721.638	4.998.612.187
22 Thuế GTGT được khấu trừ	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	10.368.932.487	8.980.657.462
Cộng	10.368.932.487	8.980.657.462
23 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- TT Đào tạo, môi giới và XKTV Phía Nam	290.612.973	290.612.973
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Đà Nẵng	217.254.928	217.254.928
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Quy Nhơn	-	2.508.600
Cộng	507.867.901	510.376.501
24 Người mua trả tiền trước	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn:		
- Người mua nước ngoài trả tiền trước ngắn hạn	812.073.948	877.080.643
- Người mua trong nước trả tiền trước ngắn hạn	-	6.070.435.616
Cộng	812.073.948	6.947.516.259
25 Phải trả nội bộ	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả nội bộ vốn kinh doanh ngắn hạn:		
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Vũng Tàu	-	162.183.420
Cộng	-	162.183.420

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**26 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng	1.837.133.565	-	186.562.300	1.650.571.265
- Quỹ phúc lợi	760.196.099	-	60.350.000	699.846.099
- Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	-	-		-
Cộng	2.597.329.664	-	246.912.300	2.350.417.364

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: đồng)

		<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
27	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Doanh thu:		
-	Doanh thu cung cấp dịch vụ	235.429.864.017	307.380.980.318
-	Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	327.629.032	185.940.000
	Cộng	235.757.493.049	307.566.920.318
28	Các khoản giảm trừ doanh thu		
		<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
-	Giảm giá hàng bán	4.986.872.508	6.934.053.594
	Cộng	4.986.872.508	6.934.053.594
29	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
		<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
-	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	230.442.991.509	300.446.926.724
-	Doanh thu thuần hoạt động KD khác	327.629.032	185.940.000
	Cộng	230.770.620.541	300.632.866.724
30	Giá vốn hàng bán		
		<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
-	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	315.924.015.993	391.486.476.983
-	Giá vốn của hoạt động KD khác	256.887.707	295.267.058
	Cộng	316.180.903.700	391.781.744.041
31	Doanh thu hoạt động tài chính		
		<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
-	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	178.513.104	970.332.433
-	Lãi chênh lệch tỷ giá	10.192.398.252	874.564.618
+	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.564.706.829	547.215.340
+	Lãi CLTG do ĐGL số dư	7.627.691.423	
-	Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	389.818.182
	Cộng	10.370.911.356	2.234.715.233
32	Chi phí tài chính		
		<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
-	Chi phí lãi vay	60.688.159.022	7.390.341.807
-	Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.085.855.418	18.785.138.921

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

+ Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		948.428.143	3.785.138.921
+ Lỗ CLTG do DGL số dư		137.427.275	15.000.000.000
Cộng		61.774.014.440	26.175.480.728
33 Chi phí bán hàng			
		<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
- Chi phí hoa hồng môi giới		2.088.731.807	3.272.696.273
Cộng		2.088.731.807	3.272.696.273
34 Chi phí quản lý doanh nghiệp			
		<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
- Chi phí nhân viên quản lý		7.851.134.321	11.501.360.733
- Chi phí vật liệu quản lý		66.353.044	78.910.882
- Chi phí đồ dùng văn phòng		44.191.610	26.844.103
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		990.524.174	1.099.592.021
- Thuế, phí và lệ phí		244.302.206	328.772.630
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		742.770.526	1.028.775.259
- Chi phí bằng tiền khác		6.174.183.666	1.563.806.206
Cộng		16.113.459.547	15.628.061.834
35 Thu nhập khác			
		<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định		12.338.181.819	129.095.909.091
- Thu nhập khác		12.279.851.354	39.619.541
Cộng		24.618.033.173	129.135.528.632
36 Chi phí khác			
		<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
- Giá trị còn lại tài sản cố định		11.966.681.134	95.616.110.299
- Chi phí thanh lý tài sản cố định		-	5.694.481.251
- Chi phí khác		2.410.213.358	-
+ Chi phí còn sót của TSCĐ đã nhượng bán		2.410.213.349	-
+ Chi phí khác		9	-
Cộng		14.376.894.492	101.310.591.550
37 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố			
		<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		96.334.081.262	136.580.720.624
- Chi phí nhân công		71.016.257.086	55.160.452.039

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

- Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.689.344.323	106.786.785.193
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.751.512.649	28.005.631.646
- Chi phí khác bằng tiền	70.677.900.479	84.148.912.646
Cộng	369.469.095.799	410.682.502.148

38 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(144.774.438.916)	(106.165.463.837)
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thu nhập tính thuế	(144.774.438.916)	(106.165.463.837)
+ Thu nhập tính thuế từ hoạt động SXKD	(144.887.267.072)	(106.165.463.837)
+ Thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	112.828.156	
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Cộng thuế TNDN trong năm	22.565.631	-

39 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2016</i>	<i>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2015</i>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(65.068.743.782)	-
Cộng	(65.068.743.782)	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**40 Công cụ tài chính****a. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện việc quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) với thặng dư vốn cổ phần, trừ (-) đi cổ phiếu quỹ (nếu có).

b. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
- Tiền	44.996.398.019	44.996.398.019
- Tương đương tiền	8.000.000.000	8.000.000.000
- Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	63.841.084.528	65.391.806.166

c. Công nợ tài chính

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại ngày lập báo cáo, đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	1.903.544.898.480	1.903.544.898.480
- Phải trả người bán	90.918.754.023	90.418.754.023
- Phải trả khác	51.346.686.619	51.346.686.619

d. Quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên liệu, hàng hoá, công cụ, dụng cụ từ các nhà cung cấp trong nước và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán nguyên liệu, hàng hoá, công cụ, dụng cụ. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các nước và khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2016:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Cộng
- Phải trả người bán	90.918.754.023	-	90.918.754.023
- Khoản vay	134.530.093.510	1.352.694.049.894	1.487.224.143.404
- Khoản nợ	-	416.320.755.076	416.320.755.076
- Phải trả khác	42.942.097.441	8.404.589.178	51.346.686.619
Cộng	268.390.944.974	1.777.419.394.148	2.045.810.339.122

e. Tài sản đảm bảo

- Đối với khoản vay ngắn hạn: Xem thuyết minh số 11.
- Đối với khoản vay dài hạn: Xem Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 8.

41 Thông tin về các bên liên quan: Xem thuyết minh tại Báo cáo tài chính Hợp nhất

42 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

43 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội.

44 Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

45 Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày bằ là khác nhau.

46 Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
a. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
+ Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	89,69%	91,88%
+ Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	10,31%	8,12%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
+ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	115,6%	94,42%
+ Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	-15,58%	5,58%
b. Khả năng thanh toán (lần)		
+ Khả năng thanh toán tổng quát	0,865	0,901
+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	0,564	0,551
+ Khả năng thanh toán nhanh	0,159	0,056
c. Khả năng sinh lời		
- Tỷ suất sinh lời trên Doanh thu thuần		
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-62,74%	-35,31%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-34,55%	-35,31%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-7,92%	-4,34%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-4,36%	-4,34%

Lập biểu



Lê Kim Phụng

Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân

Tp Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2016



Tổng Giám đốc

Phạm Thị Cẩm Hà

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

Phụ lục số 1:

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

c Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
c1 Đầu tư vào công ty con	5.500.000.000	5.500.000.000	-	5.500.000.000	5.500.000.000	-
+ CT TNHH SC tàu biển Phương Nam (SSR)	5.500.000.000	5.500.000.000	-	5.500.000.000	5.500.000.000	-
c2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4.906.000.000	4.906.000.000	-	4.906.000.000	4.906.000.000	-
+ Vốn góp liên doanh	-	-	-	-	-	-
+ CT CP CU'DV Hàng hải và XNK Phương Đông	4.906.000.000	4.906.000.000	-	4.906.000.000	4.906.000.000	-
c3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
+ Đầu tư dài hạn khác	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
+ CT TNHH Lancaster Tân Thuận	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-

- Về tỷ lệ và giá trị sở hữu:

Tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty TNHH SC tàu biển Phương Nam là 100%

Tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận là 10%

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

Phụ lục số 2:

NỢ XẤU

Đơn vị tính: đồng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.577.034.639	-	4.998.612.187	-
- CTY TNHH Phúc Hải		-	3.474.203.550	-
- CTY TNHH VTB Minh Nam	810.464.637	-	810.464.637	-
- ALIZE COMMODITIES - PARIS	713.944.000	-	713.944.000	-
- Công ty CP vận tải biển Thu Bồn	52.626.002		52.626.002	

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

Phụ lục số 3:

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	3.638.437.100	2.564.208.272	2.792.235.623.376	5.671.249.714	-	2.804.109.518.462
- Mua trong kỳ		553.250.000			-	553.250.000
- Tăng khác	14.452.356.094	-	-	-	-	14.452.356.094
<i>Cộng</i>	<i>14.452.356.094</i>	<i>553.250.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>15.005.606.094</i>
- TL, nhượng bán	14.452.356.094		572.634.741		-	15.024.990.835
<i>Cộng</i>	<i>14.452.356.094</i>		<i>572.634.741</i>		<i>-</i>	<i>15.024.990.835</i>
Số dư cuối kỳ	3.638.437.100	3.117.458.272	2.791.662.988.635	5.671.249.714	-	2.804.090.133.721
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.360.604.191	2.160.685.939	1.335.434.772.575	4.935.919.175	-	1.345.891.981.880
- Khấu hao trong kỳ	70.784.619	279.279.333	84.333.118.884	357.036.306	-	85.040.219.42
- Tăng khác	6.510.337.802		-		-	6.510.337.802
<i>Cộng</i>	<i>6.581.122.421</i>	<i>279.279.333</i>	<i>84.333.118.884</i>	<i>357.036.306</i>	<i>-</i>	<i>91.550.556.944</i>
- TL, nhượng bán	6.510.337.802		477.341.698		-	6.987.679.500
<i>Cộng</i>	<i>6.510.337.802</i>	<i>-</i>	<i>477.341.698</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>6.987.679.500</i>
Số dư cuối kỳ	3.431.388.810	2.439.965.272	1.419.290.549.761	5.292.955.481	-	1.430.454.859.324
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu năm	277.832.909	403.522.333	1.456.800.850.801	735.330.539	-	1.458.217.536.582
- Tại ngày cuối kỳ	207.048.290	677.493.000	1.372.372.438.874	378.294.233	-	1.373.635.274.397

* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ HH đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: (*)

1.371.984.021.924

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

3.724.343.036

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30.6.2016

Phụ lục số 4:

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình							
<u>Số dư đầu năm</u>	-	-	-	7.658.291.325	-	-	7.658.291.325
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<u>Số dư cuối kỳ</u>	-	-	-	7.658.291.325	-	-	7.658.291.325
Giá trị hao mòn lũy kế							
<u>Số dư đầu năm</u>	-	-	-	5.677.383.116	-	-	5.677.383.116
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	464.901.897	-	-	464.901.897
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<u>Số dư cuối kỳ</u>	-	-	-	6.142.285.013	-	-	6.142.285.013
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình							
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	1.980.908.209	-	-	1.980.908.209
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	1.516.006.312	-	-	1.516.006.312

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

Phụ lục số 5:

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	134.530.093.510	134.530.093.510	157.008.170.587	157.008.170.587
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam	114.291.359.341	114.291.359.341	134.780.420.047	134.780.420.047
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	20.238.734.169	20.238.734.169	22.227.750.540	22.227.750.540
Vay dài hạn	1.352.694.049.894	1.352.694.049.894	1.377.812.406.111	1.377.812.406.111
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam	27.399.375.000	27.399.375.000	27.399.375.000	27.399.375.000
- Trên 1 năm đến 3 năm				
- Trên 3 năm đến 5 năm	27.399.375.000	27.399.375.000	27.399.375.000	27.399.375.000
- Trên 5 năm				
NH TMCP Á Châu	435.229.140.591	435.229.140.591	438.288.612.913	438.288.612.913
- Trên 1 năm đến 3 năm				
- Trên 3 năm đến 5 năm	435.229.140.591	435.229.140.591	438.288.612.913	438.288.612.913
- Trên 5 năm				
NH Phát triển Việt Nam - SGD II	41.446.000.000	41.446.000.000	41.476.000.000	41.476.000.000
- Trên 1 năm đến 3 năm				
- Trên 3 năm đến 5 năm	41.446.000.000	41.446.000.000	41.476.000.000	41.476.000.000
- Trên 5 năm				
NH Phát triển VN - CN Hải Phòng	292.156.600.000	292.156.600.000	292.366.600.000	292.366.600.000
- Trên 1 năm đến 3 năm				
- Trên 3 năm đến 5 năm	292.156.600.000	292.156.600.000	292.366.600.000	292.366.600.000
- Trên 5 năm				
NH TMCP Bảo Việt	273.083.130.926	273.083.130.926	276.394.020.000	276.394.020.000
- Trên 1 năm đến 3 năm				
- Trên 3 năm đến 5 năm	273.083.130.926	273.083.130.926	276.394.020.000	276.394.020.000

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

Phụ lục số 5:

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

- Trên 5 năm				
NH TMCP VCB - CN TP.HCM	104.908.861.377	104.908.861.377	105.753.916.198	105.753.916.198
- Trên 1 năm đến 3 năm				
- Trên 3 năm đến 5 năm	104.908.861.377	104.908.861.377	105.753.916.198	105.753.916.198
- Trên 5 năm				
NH TMCP VCB - CN Bình Tây	60.937.542.000	60.937.542.000	61.428.402.000	61.428.402.000
- Trên 1 năm đến 3 năm				
- Trên 3 năm đến 5 năm	60.937.542.000	60.937.542.000	61.428.402.000	61.428.402.000
- Trên 5 năm				
NH Natixis	-	-	134.705.480.000	134.705.480.000
- Trên 1 năm đến 3 năm				
- Trên 3 năm đến 5 năm	-	-	134.705.480.000	134.705.480.000
- Trên 5 năm				
Công ty mua bán nợ (DATC)	117.533.400.000	117.533.400.000	-	-
- Trên 1 năm đến 3 năm				
- Trên 3 năm đến 5 năm	117.533.400.000	117.533.400.000		
- Trên 5 năm				
Số vay và nợ thuê tài chính chưa thanh toán				
+ Nợ khác	416.320.755.076	-	356.140.719.669	-
Lãi vay dài hạn đã tạm trích, chưa phải trả	416.320.755.076	-	356.140.719.669	
Tổng cộng	1.903.544.898.480	1.487.224.143.404	1.890.961.296.367	1.534.820.576.698

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Phụ lục số 5:

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẢM BẢO:

STT	Tên tổ chức tín dụng	Nội dung khoản vay	Ngày ký kết Hợp đồng vay vốn	Tên tài sản đảm bảo	Trọng tải (DWT)
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng	Vay dài hạn	19/12/2003	Tàu Viễn Đông 3	6.523
		Vay dài hạn	28/12/2005	Tàu VTC Dragon	22.661
		Vay dài hạn	29/12/2006	Tàu VTC Phoenix	22.763
2	Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chi nhánh Sở Giao dịch II	Vay dài hạn	30/09/2005	Tàu Viễn Đông 5	6.508
3	Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	Vay dài hạn	29/01/2016	Tàu VTC Globe	23.726
4	Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	Vay dài hạn	22/01/2008	Tàu VTC Sun	23.581
		Vay dài hạn	28/05/2008	Tàu VTC Planet	22.176
		Vay vốn lưu động	22/03/2012	Tàu VTC Planet, VTC Sun, Thư bảo lãnh của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	
5	Ngân hàng TMCP Á Châu, CN Hà Nội	Vay dài hạn	20/09/2007	Tàu VTC Dragon	22.661
6	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN, chi nhánh Bình Tây	Vay dài hạn	16/01/2010	Tàu VTC Ocean	23.492
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN, chi nhánh TP.HCM	Vay vốn lưu động	08/04/2010	Tàu VTC Ocean	23.492
7	Ngân hàng TMCP Hàng Hải, chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	Vay dài hạn	29/01/2008	Tàu VTC Phoenix	22.763
		Vay dài hạn	30/06/2009		24.157
		Vay dài hạn	29/04/2010		28.666
		Vay vốn lưu động	28/06/2013		

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

Phụ lục số 5:

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

STT	Tên tổ chức tín dụng	Nội dung khoản vay	Ngày ký kết Hợp đồng vay vốn	Tên tài sản đảm bảo	Trọng tải (DWT)
8	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Vay vốn lưu động	26/05/2014	Cổ phiếu Pdimex và các khoản phải thu	
9	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Vay dài hạn	04/06/2010	Tàu VTC Glory	23.620

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

Phụ lục số 6:

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: đồng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
+ COCKETT MARINE OIL (ASIA) PTE LTD	30.478.186.503	30.478.186.503	16.600.140.232	16.600.140.232
+ Phải trả người bán trong nước	40.189.009.108	40.189.009.108	48.380.811.364	48.380.811.364
+ Phải trả người bán nước ngoài	19.751.558.412	19.751.558.412	29.093.904.232	29.093.904.232
Cộng	90.418.754.023	90.418.754.023	94.074.855.828	94.074.855.828
b Các khoản phải trả người bán dài hạn				
+ Tiền thuê đất tại Quy Nhơn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

Phụ lục số 7

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Đồng

	Vốn đầu tư CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ ĐTPT	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa PP	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	589.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	4.898.917.929	(618.891.810.608)	(14.248.950.187)
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.789.695.901	2.789.695.901
- Tăng khác	-	-	-	1.387.088.528	-	1.387.088.528
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	196.313.083.761	196.313.083.761
- Giảm khác	-	-	-	1.351.022.692	-	1.351.022.692
Số dư cuối năm trước	589.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	4.934.983.765	(812.415.198.468)	(207.736.272.211)
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	843.418.931	2.725.553.535	3.568.972.466
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	79.728.260.765	79.728.260.765
- Giảm khác	-	-	-	576.287.974	275.580.801	851.868.775
- Số dư cuối kỳ	589.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	5.202.114.722	(889.693.486.499)	(284.747.429.285)

(C, c thuyết minh từ trang 13 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)